

Sa nhân

Thao qua

Tiêu hôi

Đại hôi

Tiêu lốt

Trần bì

### 2.5. Chóng náu :

Đinh hương

Sa nhân

Tai qua hồng (Thị đắng)

### 2.6. Hóc xương :

Cây Bóng nước (hạt, lá)

### 2.7. Say rượu :

Bạch đậu khấu

Hồng đậu khấu

Đậu ván trắng

Sắn dây (củ, hoa)

### 2.8. Rắn cắn :

Cu gió

Bảy lá một hoa

Đơn kim

Mã đề (cá cây)

Thài lài

### 2.9. Thuốc thông khiếu, chữa hòn mê, ngát siu, trúng phong, cầm khâu :

Bồ kết (qua)

Cánh kiền trắng (An túc hương)

Long nǎo

Ngưu bàng (rê)

Tế tân

Thạch xương bồ

Thăng ma

Thiên trúc hoàng

Uy linh tiên

### 2.10. Người bị thoát dương (lạnh giá, thoát hết mồ hôi, kiệt sức) :

Phụ tử

Quế nhục

### 2.11. Thuốc cầm máu :

Bạch cập

Cò hàn the

Cò nhọ nồi

Dành dành (qua)

Đại kẽ

Địa du

Kinh giới

Hòe (hoa)

Huyết dụ

Huyết kiệt

Long nha thảo

Lưu (vò qua)

Mào gà trắng (hạt cây)

Mơ muối, ô mai

Ngải cứu

Nhi trà

Sen (hoa, lá, ngó gương)

Sinh địa

Tam thất

Rau sam

Tiêu kê

Thiến thảo

Thúc lép (cây)

Thực địa

Xích thược

Xu mướp

Tiết đê (cây)

### 2.12. Chán thương (ngã, đòn phân mềm) :

Bóng nước

Bòng bong

Cò hàn the

Dành dành (qua)

Đại kẽ

Đào nhân

Đơn châu châu

Đương quy

Gõ vang (Tô mộc)

Cò the

Thòm lòm

Huyết giác

Huyết kiệt

Lan thuỷ tiên

Long nha thảo

Mơ qua (cây)